

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 - 7 - 2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Tám.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Linh X, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé N trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Linh X tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 27/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm, đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do anh X không chí thú làm ăn, chăm lo tạo lập kinh tế chung của vợ chồng, các khoản chi phí sinh hoạt một mình chị lo liệu. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ anh X nhưng không đạt kết quả, ngược lại anh X còn lớn tiếng cự cãi và dùng lời lẽ thiếu tế nhị, sự việc diễn ra trong thời gian dài dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Nên chị và anh X sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh X.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh X có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/11/2017 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 20/9/2020 hiện anh X đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu H và cháu H1 cho anh X được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Linh X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh X đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

**- Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo thủ tục chung.

**- Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị N, anh X là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do anh X không chí thú làm ăn, chia sẻ trách nhiệm cùng với chị N trong việc tạo lập kinh tế, chăm lo xây dựng đời sống chung của gia đình, khi chị N khuyên nhủ thì anh X lớn tiếng cự cãi, có lời lẽ thiếu tôn trọng, sự việc diễn ra trong thời gian dài, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Chị N và anh X có thời gian sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh X. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh X không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Căn cứ vào lời trình bày của chị N và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị N và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị N và anh X.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu H trên 06 tuổi, cháu H1 trên 03 tuổi hiện anh X đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh X không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối ý yêu cầu khởi kiện của chị N. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu H1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu H và cháu H1 cho anh X được trực tiếp nuôi dưỡng; dành cho anh X và chị N một vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “Về tố tụng” và các mốc đơn [1], [2] “Về nội dung”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

**- Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị N phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng, số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé N và anh Nguyễn Linh X.

**2.** Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2020 cho anh Nguyễn Linh X được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Dành cho anh Nguyễn Linh X và chị Nguyễn Thị Bé N một vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2.3. Chị Nguyễn Thị Bé N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Bé N phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0014049 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Thị Bé N; vắng mặt anh Nguyễn Linh X. Báo cho chị N có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh X vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã P: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**